

Bản án số: **84** /2017/HSST.

Ngày: 19.8.2017

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - TP.ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Vĩnh Chuyên**

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Thế Quyết** - Cán bộ nghỉ hưu.

2. Bà **Lê Thị Thu Huệ** - P. Chủ tịch liên hiệp phụ nữ quận Thanh Khê.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hồng** - Cán bộ TAND quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Minh Anh** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19.8.2017 tại Trường tiểu học T thuộc phường T, quận T, TP Đà Nẵng. Tòa án nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 97/2017/TLST-HS ngày 19.7.2017 đối với bị cáo:

Nguyễn Hồng N. Sinh ngày: 06/2/1991; Nơi sinh: Quảng Nam. Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: Lớp 12/12. Nghề nghiệp: Công nhân. Cha: không rõ; mẹ: Phạm Thị L (Còn sống). Vợ Mai Thị Mỹ T, chưa có con.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị bắt ngày 08.6.2017. Bị cáo hiện đang tạm giam. Có mặt tại phiên tòa.

- Nguyên đơn dân sự: **Công ty TNHH K.** Địa chỉ: số nhà 273 đường T, phường A, quận T, TP Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Ông **Khương Trung S.** Người đại diện theo ủy quyền Ông **Khương Trung H**, sinh năm: 1983, chức vụ: Giám đốc kinh doanh (Văn bản ủy quyền số 01/2017/UQ-KTS ngày 03/01/2017). Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh **Trần Anh T**, sinh năm: 1973. Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường T, TP Q, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

NHẬN THẤY

Bị cáo Nguyễn Hồng N bị Viện kiểm sát nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 30/3/2017, do cần tiền tiêu xài cá nhân Nguyễn Hồng N đến công ty TNHH K địa chỉ số nhà 273 đường T, phường A, quận T, thành phố Đà Nẵng giả vờ hỏi thuê 02 xe lu rung để đi làm công trình. Tại đây, N gặp chị Lê Thị H là kế toán công ty hỏi thuê xe. Sau đó, N gặp anh Khương Trung H làm giám đốc kinh doanh qua trao đổi để tạo niềm tin thuê được xe N đã đưa chứng minh nhân dân cùng sổ hộ khẩu gia đình (bản gốc) cho anh H. Do đó, anh H đã đồng ý cho N thuê 02 xe lu rung mini hiệu SAKAI và BOMAG với giá thuê 800.000 đồng/ngày/2 máy với thời hạn 15 ngày (kể từ ngày 30/3/2017 đến ngày 14/4/2017). Giữa anh H và N làm biên bản giao nhận xe ghi ngày 30/3/2017. Nhận xe xong, N thuê xe chở 02 xe lu vào Gara sửa chữa ô tô Tuấn L do anh Trần Anh T làm chủ bán với số tiền 20.000.000 đồng và sử dụng tiêu xài cá nhân.

Đến ngày 14/4/2017 hết thời hạn thuê, anh H không liên lạc được với N để yêu cầu trả lại xe thuê. Đến ngày 27/4/2017, N nhắn tin cho anh H báo là đã bán 02 xe lu trên cho anh T nên anh H đã đến công an phường A, quận T, thành phố Đà Nẵng trình báo sự việc.

Ngày 13/5/2017, anh H thỏa thuận hỗ trợ cho anh T để lấy lại 02 xe lu rung trên với số tiền 22.000.000 đồng.

Ngày 18/5/2017, Nguyễn Hồng N đến cơ quan điều tra đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội.

Vật chứng tạm giữ: 01 xe lu rung mini hiệu Sakai loại 600kg và 01 xe lu rung mini nhãn hiệu Bomag loại 600kg; 01 chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu tên Nguyễn Hồng N (bản chính).

Theo kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự quận T, thành phố Đà Nẵng:

- + 01 xe lu rung mini hiệu Sakai loại 600kg có giá trị: 41.000.000 đồng
- + 01 xe lu rung mini nhãn hiệu Bomag loại 600kg có giá trị: 38.000.000 đồng

Tổng cộng: 79.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, Nguyễn Hồng N đã khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Với nội dung trên tại bản Cáo trạng số: 96/ CT-VKS ngày 19.7.2017 của Viện kiểm sát nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng truy tố bị cáo Nguyễn Hồng N về tội “ *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm e, khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay bị cáo Nguyễn Hồng N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội do bị cáo gây ra, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ điều tra có tại hồ sơ vụ án, HĐXX có đủ cơ sở kết luận hành vi phạm tội của bị cáo là đủ yếu tố cấu thành tội “ *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” như cáo trạng số 96/CT-VKS ngày 19.7.2017 của VKS nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tội phạm và hình phạt của bị cáo được quy định và xử phạt Điều 139 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện VKS nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng thực hành quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo, trên cơ sở phân tích đánh giá tính chất vụ án, hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cùng với nhân thân bị cáo đề nghị HĐXX.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hồng N phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"

* Áp dụng điểm e, khoản 2 Điều 139, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng N từ 03 (ba) năm tù đến 04(bốn) năm tù.

* Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự và Điều 585 Bộ luật dân sự năm 2015 buộc bị cáo bồi thường tiếp cho Công ty TNHH K số tiền còn lại 26.000.000đ (*Hai mươi sáu triệu đồng*).

* Xử lý vật chứng: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự và Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

Trả lại cho bị cáo 01 chứng minh nhân dân và 01 sổ hộ khẩu đứng tên Nguyễn Hồng N (bản chính) là loại giấy tờ tùy thân để sử dụng, hiện lưu giữ tại hồ sơ vụ án.

Xét tính chất vụ án thì thấy:

Quyền sở hữu về tài sản luôn được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản một cách trái pháp luật gây hậu quả nghiêm trọng đều bị pháp luật trừng trị và xử lý tùy theo tính chất, mức độ do hành vi trái pháp luật đó gây ra. Bị cáo Nguyễn Hồng N nhận thức được điều đó. Song do cần tiền tiêu xài cá nhân, bị cáo bất chấp sự trừng trị của pháp luật, dùng thủ đoạn gian dối lừa đảo chiếm đoạt của Công ty TNHH K số tài sản gồm 02 xe lu rung mi ni với tổng giá trị tài sản là 79.000.000đ, rồi sau đó thuê xe tải vận chuyển tài sản chiếm đoạt được vào Quảng Ngãi bán cho anh Trần Anh T số tiền 20.000.000đ lấy tiền tiêu xài cá nhân. Như vậy, hành vi phạm tội của bị cáo gây ra đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản hợp pháp của công dân luôn được pháp luật bảo vệ,

đồng thời làm ảnh hưởng rất xấu đến tình trật tự trị an xã hội, nên việc các cơ quan tiến hành tố tụng bắt điều tra, truy tố, xét xử đối với các bị cáo là nhằm mục đích giáo dục riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa chung là cần thiết.

Xét thấy, tài sản bị cáo thực hiện hành vi gian dối chiếm đoạt có giá trị trên 50.000.000đ, Vì vậy, VKS nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng truy tố bị cáo theo tình tiết định khung hình phạt được quy định tại điểm e khoản 2, Điều 139 Bộ luật hình sự là đúng pháp luật. Do đó, đối với bị cáo cần phải được xử lý nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra mới có tác dụng giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung, đồng thời, thấy cần cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhất định để bị cáo cải tạo, học tập, sớm trở thành công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội sau này.

Tuy nhiên, cũng xét thấy rằng, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội, sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã tự ra đầu thú với cơ quan công an, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành thật khai báo, tỏ ra biết ăn năn hối cải, đồng thời cũng đã tác động gia đình bồi thường một phần thiệt hại cho nguyên đơn dân sự, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự để xem xét khi lượng hình cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Công ty TNHH K yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 32.000.000 đồng (trong đó: chi phí thu hồi xe 22.000.000 đồng và chi phí do 02 xe lu không cho thuê được từ ngày 30/3/2017 đến ngày 17/5/2017: 10.000.000 đồng). Yêu cầu này của Công ty đã được gia đình bị cáo tự nguyện bồi thường trước cho bị cáo số tiền 6.000.000đ, số tiền còn lại 26.000.000đ đại diện theo ủy quyền của Công ty yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường. HĐXX xét thấy yêu cầu này của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn dân sự là chính đáng phù hợp với Điều 42 Bộ luật hình sự và Điều 585 Bộ luật dân sự năm 2015 nên chấp nhận.

Án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ và án phí dân sự sơ thẩm 1.300.000đ bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

* Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Hồng N** phạm tội: "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*"

***1.** Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Hồng N: 02(hai)** năm tù . Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị bắt 08.6.2017.

***2. Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự và Điều 585 Bộ luật dân sự năm 2015.

+ Buộc bị cáo Nguyễn Hồng N phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho Công ty TNHH K số tiền còn lại là **26.000.000đ (Hai mươi sáu triệu đồng)**.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ trả số tiền trên, thì còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với từng thời gian chậm thi hành án.

3. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự và Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

Trả lại cho bị cáo 01 chứng minh nhân dân và 01 sổ hộ khẩu đứng tên Nguyễn Hồng N (bản chính) là loại giấy tờ tùy thân để sử dụng, hiện lưu giữ tại hồ sơ vụ án.

Án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ và án phí dân sự sơ thẩm 1.300.000đ bị cáo phải chịu.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho bị cáo, nguyên đơn dân sự có mặt tại phiên tòa biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao kết quả bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Những người TGTT
- VKSND quận T
- Thi hành án dân sự quận T
- Lưu HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Vĩnh Chuyển